TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-ST
Ngày: 16/8/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Kết;

2/ Bà Mai Thị Bỉ;

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Võ Thị Thu Thủy, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2017/TLST-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-DS, ngày 18/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-DS, ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn:

1.1/ Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1949; Địa chỉ: Ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh L; Tạm trú: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh L.

1.2/ Bà Lê Thị X, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện T, tỉnh L; Tạm trú: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị X: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1952; Địa chỉ: ấp B1, xã B, huyện T, tỉnh L (Có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2018)

2/ Bị đơn:

2.1/ Ông Lê Văn N, sinh năm 1951 (Vắng mặt);

2.2/ Bà Liễu Thị Thu V, sinh năm 1958 (Vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh L.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1986 (Có đơn xin vắng mặt);

3.2/ Ông Nguyễn Hồng K, sinh năm 1989 (Có mặt);

3.3/ Bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1988 (Có mặt).

Cả 03 cùng địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện T, tỉnh L; Tạm trú: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện ghi ngày 08/11/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/02/2018 của nguyên đơn và những lời trình bày tiếp theo của ông Trần Văn H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn như sau:

Vào ngày 09/4/2012 bà Lê Thị X có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V quyền sử dụng đất các thửa đất như sau:

- Thửa đất số 607, diện tích 100.4m^2, loại đất ở tại nông thôn;

- Thửa đất số 151, diện tích 1.895m^2, loại đất trồng lúa cùng căn nhà trên đất.

Cả 02 thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 02 cùng tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh L do UBND huyện Tân Trụ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn N ngày 30/10/2010.

Khi nhận chuyển nhượng, hai bên có làm giấy tay chuyển nhượng đất vào ngày 09/4/2012 nhưng không được công chứng, chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, giá chuyển nhượng là 750.000.000đ. Tại thời điểm làm hợp đồng

do ông Ng và bà X chung sống với nhau như vợ chồng nên khi ghi hợp đồng thì ghi cả tên ông Ng. Bà X đã giao tiền cho vợ chồng ông N, bà V 02 lần, cụ thể lần 1 vào ngày 09/4/2012 với số tiền là 330.000.000đ và lần 2 vào ngày 01/5/2012 với số tiền là 400.000.000đ, tổng cộng là 730.000.000đ, còn lại 20.000.000đ khi nào ông Ng và bà X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ giao số tiền còn lại cho vợ chồng ông N, bà V. Toàn bộ số tiền 730.000.000đ này đều là của bà X, ông Ng không có đóng góp gì trong số tiền này.

Sau khi nhận chuyển nhượng thì vợ chồng ông N, bà V đã giao nhà và đất cho ông Ng, bà X quản lý, sử dụng và hẹn sẽ làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nhưng ông N, bà V cố tình không thực hiện. Ông Ng và bà X đã nhiều lần liên hệ với ông N, bà V để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nhưng ông N, bà V chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Cuối năm 2012 ông N, bà V bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống, không để lại địa chỉ và cũng không báo cho ông Ng và bà X biết.

Ngày 12/11/2015 vợ chồng ông Ng, bà X bà đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông N và bà V. Tại Quyết định số 07/2015/QĐVDS-ST ngày 04/12/2015, Tòa án đã thông báo tìm kiếm ông N và bà V về liên hệ để giải quyết việc chuyển quyền sử dụng đất. Từ khi Tòa án ra thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và đã được phát sóng, đăng báo trên đài tiếng nói Việt Nam, báo Công lý nhưng đến nay vợ chồng ông N, bà V vẫn không có tin tức.

Nay bà Lê Thị X khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 607, diện tích 100.4m^2, loại đất ở tại nông thôn và thửa đất số 151, diện tích 1.895m^2, loại đất trồng lúa cùng căn nhà trên đất cho bà Lê Thị X.

Riêng ông Nguyễn Văn Ng do không có đóng góp tiền mua nhà, đất và cũng không phải là chồng của bà X nên ông Ng rút lại yêu cầu khởi kiện và đồng ý để bà X được đứng tên quyền sử dụng đất nếu Tòa án cho công nhận hợp đồng.

2/ Bị đơn, ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

4/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hồng K và bà Phạm Thị Hồng N trình bày: Ông, bà là con và dâu của bà X hiện đang ở tại căn nhà tranh chấp này với bà X, ông, bà thống nhất với lời trình bày của ông Ng, bà X không tranh chấp hay bổ sung ý kiến gì thêm.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hồng P có đơn xin vắng mặt nhưng tại các biên bản hòa giải đều thống nhất trình bày: Ông là con của bà X hiện đang ở tại căn nhà tranh chấp này với bà X, ông thống nhất với lời trình bày của ông Ng, bà X không tranh chấp hay bổ sung ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 129, 500 của Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V với bà Lê Thị X đối với thửa đất số 607, diện tích 100.4m^2, loại đất ONT và thửa đất số 151, diện tích 1.895m^2, loại đất trồng lúa cùng căn nhà trên đất.

Bà Lê Thị X phải tiếp tục trả cho ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V số tiền còn lại của hợp đồng là 20.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị X yêu cầu ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 607, diện tích 100.4m^2, loại đất ở tại nông thôn và thửa đất số 151, diện tích 1.895m^2, loại đất trồng lúa cùng căn nhà trên đất cho bà Lê Thị X. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các bị đơn là ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V, qua xác minh đã không còn sinh sống theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông N và bà V theo Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời Tòa án cũng đã tiến hành làm thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm: Công khai thông báo thụ lý vụ án trên

báo và phát trên đài trung ương, thông báo thụ lý có nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách của những người tham gia tố tụng: Khi thụ lý vụ án, xác định 02 thửa đất số 607 và 151 đang bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ kê biên để thi hành án cho bà Dương Mộng Trúc L, ông Cao Xuân Th và bà Vũ Thị Liên X1. Do đó Tòa án đã xác định Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, bà L, ông Th và bà Liên X1 là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Lê Thị X đã thực hiện nghĩa vụ thi hành án thay cho bà Liễu Thị Thu V và ông Lê Văn N cụ thể cho: Bà Dương Mộng Trúc L 169.650.000đ, ông Cao Xuân Th 40.018.000đ, bà Vũ Thị Liên X1 32.351.000đ, tổng cộng là 242.019.000đ. Sau khi nhận được tiền thì bà Dương Mộng Trúc L, ông Cao Xuân Th và bà Vũ Thị Liên X1 đã làm đơn rút đơn yêu cầu thi hành án. Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ cũng đã ban hành giấy xác nhận số 25/GXN-THADS, ngày 13/6/2018 xác nhận bà Liễu Thị Thu V và ông Lê Văn N đã thi hành xong các nghĩa vụ nêu trên, kèm theo công văn là 03 quyết định đình chỉ thi hành án số 55, 56 và 57 ngày 13/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Do đó không cần thiết tiếp tục xác định Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, bà Dương Mộng Trúc L, ông Cao Xuân Th và bà Vũ Thị Liên X1 là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Đối với số tiền thực hiện hợp đồng, bà X trình bày đã trả cho ông N và bà V 02 lần, cụ thể vào ngày 09/4/2012 là 330.000.000đ và lần 2 vào ngày 01/5/2012 với số tiền là 400.000.000đ. Căn cứ vào "Giấy hợp đồng mua bán ngày 09/4/2012" (Bl 69-70) thể hiện 02 lần trả tiền này là có thật, có chữ ký nhận của ông N, bà V đồng thời còn có chữ ký của người làm chứng là ông Phan Mộng D. Tại bản tự khai ngày 15/6/2018 ông Phan Mộng D đã khai có chứng kiến việc chuyển nhượng đất giữa ông N, bà V với bà X và ông Ng. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà X đã trả cho ông N và bà V 730.000.000đ trên tổng số tiền thỏa thuận chuyển nhượng là 750.000.000đ.

[5] Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

[5.1] Hợp đồng chỉ được lập bằng giấy tay vào năm 2012 và không được công

chứng hoặc chứng thực theo quy định là vi phạm về hình thức nhưng không vi phạm về nội dung vì các thửa đất này đều đã được cấp cho ông Lê Văn N. Sau khi chuyển nhượng thì ông N và bà V đã giao nhà, đất cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà X quản lý, sử dụng. Trong quá trình gia đình bà X quản lý, sử dụng thì ông N, bà V cũng không có ý kiến phản đối gì. Điều này thể hiện tại quyết định Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 07/2015/QĐVDS-ST, ngày 04/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Thông báo đã nêu rõ việc bà X tìm kiếm ông N và bà V để giải quyết đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên. Đồng thời khi thụ lý vụ án này, Tòa án cũng đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông N và bà V. Tòa án cũng làm thủ tục thông báo công khai thông báo thụ lý vụ án trên báo và phát trên đài trung ương, thông báo thụ lý có nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông N, bà V không có ý kiến phản đối gì. Ngoài ra việc gia đình bà X quản lý, sử dụng các thửa đất này cũng không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[5.2] Như vậy mặc dù hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vi phạm điều kiện về hình thức được hướng dẫn tại điểm a.4 và điểm a.6 tiểu mục 2.3 mục 2 của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP, ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nhưng sau khi thực hiện hợp đồng, ông N và bà V đã giao nhà, đất cho gia đình bà X quản lý và sử dụng mà không phản đối và cũng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo các quy định của Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[5.3] Điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về điều kiện chuyển tiếp, theo đó "Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật này". Do đây là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nội dung và hình thức của loại hợp đồng này phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết. Khoản 2 Điều 129 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì Tòa án công nhận hiệu lực của giao dịch đó". Như đã phân tích ở phần [4] xác định bà X đã thực hiện hơn hai phần ba nghĩa vụ (730.000.000đ so với 750.000.000đ).

[5.4] Ông Nguyễn Văn Ng xác định tiền thực hiện việc nhận chuyển nhượng đất là của bà X nên không yêu cầu được công nhận hợp đồng mà chỉ yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà X. Đây là ý chí tự nguyện của ông Ng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những phân tích tại các phần [5] Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b.3, tiểu mục 2.3 mục 2 của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP, ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 129 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn N, bà Liễu Thị Thu V với bà Lê Thị X.

[7] Đối với số tiền còn lại của hợp đồng là: 750.000.000đ – 730.000.000đ = 20.000.000đ. Do công nhận hợp đồng chuyển nhượng nên buộc bà Lê Thị X phải tiếp tục trả cho ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V số tiền này.

[8] Đối với số tiền mà bà Lê Thị X đã thực hiện thay nghĩa vụ thi hành án để thi hành cho bà Dương Mộng Trúc L, ông Cao Xuân Th và bà Vũ Thị Liên X1 tổng cộng là 242.019.000đ. Đây là ý chí tự nguyện của bà X, không có sự yêu cầu của ông N và bà V, đồng thời bà X cũng không có yêu cầu giải quyết đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về chi phí tố tụng: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên buộc bị đơn phải chịu tất cả chi phí tố tụng gồm: Đo đạc 2.336.000đ, thẩm định tại chổ 300.000đ, định giá tài sản 3.000.000đ, chi phí đăng báo Công lý 1.350.000đ, hợp đồng phát thanh trên đài tiếng nói Việt Nam 750.000đ, tổng cộng là 7.736.000đ. Do số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu công nhận hợp đồng được hội đồng xét xử công nhận nên ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V phải chịu án phí không có giá ngạch. Bà Lê Thị X phải chịu 5% án phí trên số tiền 20.000.000đ phải trả tiếp cho bà Vân và ông Nương.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 217, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 129, 357, 500, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 của

Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 607, diện tích đo đạc thực tế 100.4m^2, loại đất ONT và thửa đất số 151, diện tích đo đạc thực tế 1.895m^2, loại đất LUC cùng căn nhà trên đất cho bà Lê Thị X. Tất cả các thửa đất nêu trên đều thuộc tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh L; vị trí, tứ cận đất được thể hiện theo mảnh trích do số 62 – 2018 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Trụ ký duyệt ngày 28/5/2018.

Bà Lê Thị X được quyền liên hệ với các cơ quan chuyên môn để tiến hành làm các thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất nêu trên.

2/ Buộc bà Lê Thị X phải trả cho ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V, nếu chậm thi hành, bà Lê Thị X còn phải trả thêm tiền lãi cho ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V phải liên đới chịu chi phí tố tụng là 7.736.000đ. Do chi phí này bà Lê Thị X và ông Nguyễn Văn Ng đã nộp tạm ứng nên buộc ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V phải liên đới trả cho bà Lê Thị X và ông Nguyễn Văn Ng 7.736.000đ (Bảy triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị X và ông Nguyễn Văn Ng, nếu chậm thi hành, ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V còn phải liên đới trả thêm tiền lãi cho bà Lê Thị X và ông Nguyễn Văn Ng theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn N và bà Liễu Thị Thu V phải liên đới chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Bà Lê Thị X phải chịu 1.000.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị X, ông Nguyễn Văn Ng đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 04932, ngày 22/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Bà Lê Thị X còn phải nộp tiếp 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CC THA DS huyện Tân Trụ;
-Các đương sự.
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đỗ Quốc Dũng